

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Công nghệ Thông tin; Chuyên ngành: Khoa học máy tính

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Dương Văn Hải

2. Ngày tháng năm sinh: 24/07/1982; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Cấp Tiến, Huyện Tiên Lãng,
Thành Phố Hải Phòng

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện,
tỉnh): Số nhà 71/6 đường Nguyễn Văn Trỗi, phường 2, thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Số nhà 71/6 đường Nguyễn
Văn Trỗi, phường 2, thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0944 726 727;

E-mail: haidv@dlu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 08/2004 đến 04/2018: Giảng viên tại Khoa Toán – Tin học, Trường Đại học Đà Lạt

Từ 04/2018 đến 12/2019: Giảng viên chính tại Khoa Toán – Tin học, Trường Đại học Đà Lạt

Từ 12/2019 đến 06/2024: Phó Trưởng Khoa tại Khoa Toán – Tin học, Trường Đại học Đà Lạt

Chức vụ hiện nay: Phó Trưởng Khoa; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng Khoa

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Toán – Tin học, Trường Đại học Đà Lạt

Địa chỉ cơ quan: Số 01, đường Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại cơ quan: 0263 3822 246

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 22 tháng 06 năm 2004, số văn bằng: B0506720, ngành: Tin học, chuyên ngành: Tin học

Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Đà Lạt, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 27 tháng 05 năm 2009, số văn bằng: 193-TH/2009, ngành: Khoa học máy tính, chuyên ngành: Khoa học máy tính

Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia, Tp.HCM, Việt Nam

- Được cấp bằng TS [5] ngày 29 tháng 05 năm 2020, số văn bằng: QH02201800046, ngành: Khoa học máy tính, chuyên ngành: Khoa học máy tính

Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia, Tp.HCM, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Đà Lạt

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Công nghệ thông tin

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Khai thác dữ liệu (Data mining) với các hướng nghiên cứu sau:

- Khai thác các mẫu (tập mục, chuỗi) hữu ích (phổ biến, lợi ích cao, lợi ích trung bình cao, lợi ích cao chi phí thấp,...) trên các cơ sở dữ liệu giao dịch và cơ sở dữ liệu chuỗi có hoặc không có lượng hóa.

- Khai thác các biểu diễn súc tích của các mẫu hữu ích.

- Khai thác các mẫu hữu ích và luật kết hợp hữu ích dựa trên ràng buộc.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 2 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận án ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 3 cấp Cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 34 bài báo khoa học, trong đó 18 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	“Học bổng sau đại học của Đại học Quốc gia Tp. HCM” dành cho nghiên cứu sinh có kết quả học tập và nghiên cứu khoa học xuất sắc	Đại học quốc gia Tp. HCM	2019
2	Giải nhì “Công trình nghiên cứu khoa học xuất sắc dành cho nghiên cứu sinh”	Đại học Quốc gia Tp.HCM	2019
3	Giải thưởng Lê Văn Thới dành cho luận án tiến sĩ xuất sắc của Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐH Quốc gia Tp.HCM	Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Tp.HCM	2021
4	Giấy khen đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động Công đoàn giữa nhiệm kỳ 2017 - 2022	Công Đoàn trường Đại học Đà Lạt	2020
5	Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở	Trường Đại học Đà Lạt	2021
6	Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở	Trường Đại học Đà Lạt	2022
7	Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở	Trường Đại học Đà Lạt	2023

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Ứng viên đã làm việc tại Khoa Toán – Tin học, Trường Đại học Đà Lạt từ tháng 08/2004 đến nay. Trong gần 20 năm qua, ứng viên luôn hoàn thành đúng và đầy đủ các nhiệm vụ về giảng dạy và nghiên cứu khoa học được Khoa và Trường phân công. Ứng viên thường xuyên rèn luyện đạo đức và tác phong nghề nghiệp cũng như nâng cao kiến thức chuyên môn; luôn tích cực tham gia xây dựng và áp dụng các giải pháp đổi mới sáng tạo trong các công việc của khoa, trường và trong các hoạt động dạy học. Ứng viên đã nhận được những đánh giá tích cực từ nhà trường và khoa cũng như từ các đồng nghiệp và các thế hệ sinh viên/học viên.

Về công tác đào tạo, ứng viên đã hoàn thành tốt việc giảng dạy trình độ đại học và cao học được khoa và trường phân công. Ứng viên luôn có ý thức cao trong việc thường xuyên cập nhật nội dung bài giảng và giáo trình nhằm giúp cho người học tiếp thu tốt những kiến thức mới, và thường xuyên áp dụng những phương pháp giảng dạy phù hợp với từng đối tượng người học. Ngoài ra, ứng viên đã hướng dẫn nhiều luận văn/khóa luận tốt nghiệp trình độ đại học; đã hướng dẫn 1 nhóm sinh viên thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường được giải khuyến khích với chủ đề nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực mà ứng viên đang quan tâm; và đã hướng dẫn 2 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ. Hiện tại, ứng viên đang hướng dẫn 1 nghiên cứu sinh ngành Trí tuệ nhân tạo thực hiện từ 12/2022 và đang hướng dẫn 2 học viên cao học thực hiện đề án thạc sĩ từ 04/2024. Bên cạnh đó, ứng viên cũng đã tham gia xây dựng chương trình đào tạo ngành Khoa học dữ liệu của khoa với vai trò chịu trách nhiệm chính trong nhóm các học phần liên quan đến Khoa học máy tính. Với tinh thần trách nhiệm cao, ứng viên đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao trong việc xây dựng chương trình đào tạo này và đã được đưa vào giảng dạy cho các khóa ngành Khoa học dữ liệu bắt đầu từ năm 2021 tại khoa Toán – Tin học, trường Đại học Đà Lạt.

Về công tác nghiên cứu khoa học, tính đến nay, ứng viên đã công bố tổng cộng 34 bài báo/báo cáo khoa học, trong đó có 18 bài báo khoa học trên các tạp chí quốc tế uy tín (ISI, Q1 và Q2) với 09 bài báo là tác giả chính. Sau khi được công nhận học vị tiến sĩ, ứng viên đã công bố 11 bài báo khoa học trên các tạp chí quốc tế uy tín (ISI), trong đó có 06 bài báo là tác giả chính (5 bài báo Q1 và 1 bài báo Q2). Ứng viên đã hoàn thành tốt 03 đề tài NCKH cấp cơ sở với vai trò là chủ nhiệm, và 02 đề tài NCKH cấp quốc gia Nafosted với vai trò là thành viên nghiên cứu và thành viên nghiên cứu chủ chốt. Hiện tại, ứng viên đang chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp quốc gia Nafosted thực hiện từ 08/2023 và 01 đề tài NCKH cấp Bộ thực hiện từ 01/2023. Cả hai đề tài đang được thực hiện đúng tiến độ (theo đánh giá tiến độ của quỹ Nafosted và của Bộ giáo dục và đào tạo).

Bên cạnh đó, ứng viên cũng tham gia phản biện bài báo cho các tạp chí quốc tế uy tín, tiêu biểu như: IEEE Transactions on Knowledge and Data Engineering (SCIE, Q1, IF 8.9),

Information Sciences (SCIE, Q1, IF 8.1), Knowledge-Based Systems (SCIE, Q1, IF 8.8), và Applied Intelligence (SCIE, Q2, IF 5.3). Năm 2022, ứng viên đã tham gia tổ chức hội nghị quốc tế về Toán rời rạc và Khoa học máy tính tại Đà Lạt, được đồng tổ chức bởi Trường ĐH Đà Lạt, Quỹ đổi mới sáng tạo VinGroup (VinIF) và một số trường, viện nghiên cứu trong nước. Trong hội nghị này, ứng viên tham gia báo cáo với vai trò là báo cáo mời.

Ứng viên luôn chấp hành đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, luôn thực hiện đúng nội quy và quy định của Trường. Ứng viên luôn thực hiện đúng chuẩn mực đạo đức nhà giáo, thường xuyên quan tâm hỗ trợ đồng nghiệp và người học, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc của Trường, Khoa và trong các hoạt động giảng dạy, và luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ cấp trên giao, với nhiều năm liền đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở”.

Với những nội dung và kết quả đạt được ở trên, ứng viên tự đánh giá đủ tiêu chuẩn và đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của nhà giáo.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 19 năm 10 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2017-2018					448		448/565.33/270
2	2018-2019					525		525/834.22/270
3	2019-2020					385		385/423.25/229.7
03 năm học cuối								
4	2021-2022			2		364		364/367.9/216
5	2022-2023					424		424/463.7/216
6	2023-2024					397	45	442/506.46/216

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

- Học ĐH ; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: Ứng viên có chứng chỉ Tiếng Anh IELTS 5.5 (tương đương bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc, và B2 theo khung tham chiếu Châu Âu) do Hội đồng Anh cấp. Trong nghiên cứu chuyên môn, ứng viên thường xuyên đọc các tài liệu, bài báo, nghe các bài giảng và báo cáo bằng Tiếng Anh. Ứng viên sử dụng Tiếng Anh để viết các bài báo, báo cáo khoa học và trình bày báo cáo tại các hội thảo quốc tế.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): IELTS 5.5

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Lê Bá Đồng		X	X		07/2021 đến 12/2021	Trường Đại học Nha Trang	16/05/2022
2	Huỳnh Hanh Thông		X		X	05/2021 đến 12/2021	Trường Đại học Khoa học tự nhiên Tp.HCM	03/08/2022

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phản ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Khai thác mẫu tuần tự với ràng buộc dựa trên mẫu đóng và sinh	CN	Số thứ tự 11 trong danh mục đề tài NCKH cấp trường (cấp Cơ sở) năm 2019, cấp Cơ sở	01/01/2019 đến 1/12/2019	06/12/2019 / Tốt
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
2	Khám phá các mẫu hữu ích dựa trên ràng buộc của người dùng từ các cơ sở dữ liệu chuỗi	CN	Số thứ tự 2 trong danh mục đề tài NCKH cấp Trường trọng điểm (cấp cơ sở) năm 2020, cấp Cơ sở	01/01/2020 đến 01/12/2020	29/04/2021 / Tốt
3	Khai thác các biểu diễn súc tích của các mẫu có lợi ích / lợi ích trung bình cao từ cơ sở dữ liệu lượng hóa	CN	Số thứ tự 11 trong danh mục đề tài NCKH cấp Trường trọng điểm (cấp cơ sở) năm 2021, cấp Cơ sở	01/01/2021 đến 01/12/2021	09/12/2021 / Tốt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

Ngoài 3 đề tài NCKH cấp cơ sở được liệt kê ở trên, ứng viên đã tham gia (với vai trò lần lượt là nghiên cứu sinh và thành viên nghiên cứu chủ chốt) 2 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia Nafosted sau:

+ Tên nhiệm vụ: “Phát hiện các mẫu có lợi ích cao trên cơ sở dữ liệu lượng hóa”; Mã số: 102.05-2017.300; Thời gian nghiệm thu: 16/09/2020; Kết quả: Đạt.

+ Tên nhiệm vụ: “Phát triển các phương pháp ẩn luật kết hợp trong khai thác dữ liệu đảm bảo tính riêng tư”; Mã số: 102.05-2018.307; Thời gian nghiệm thu: 29/07/2022; Kết quả: Đạt.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
Tạp chí khoa học quốc tế uy tín (ISI)								
1	An efficient method for mining frequent itemsets with double constraints	3	Có	Engineering Applications of Artificial Intelligence / ISSN (online): 1873-6769; ISSN (print): 0952-1976	X - SCIE IF: 2.207, Q1	41	27 148-154	01/2014
2	FCloSM, FGenSM: two efficient algorithms for mining frequent closed and generator sequences using the local pruning strategy	4	Không	Knowledge and Information Systems / ISSN (online): 0219-3116; ISSN (print): 0219-1377	X - SCIE IF: 2.247, Q1	37	53, 1, 71-107	02/2017
3	Efficient algorithms for simultaneously	3	Có	Engineering Applications of Artificial	X - SCIE IF: 3.526, Q1	5	67 197-210	01/2018

	mining concise representations of sequential patterns based on extended pruning conditions			Intelligence / ISSN (online): 1873-6769; ISSN (print): 0952-1976				
4	Efficient vertical mining of high average-utility itemsets based on novel upper-bounds	4	Không	IEEE Transactions on Knowledge and Data Engineering / ISSN (online): 1558-2191; ISSN (print): 1041-4347	X - SCIE IF: 4.935, Q1	60	31, 2, 301-314	05/2018
5	FMaxCloHUSM: An efficient algorithm for mining frequent closed and maximal high utility sequences	4	Không	Engineering Applications of Artificial Intelligence / ISSN (online): 1873-6769; ISSN (print): 0952-1976	X - SCIE IF: 4.201, Q1	27	85 1-20	10/2019
6	Efficient high average-utility itemset mining using novel vertical weak upper-bounds	5	Không	Knowledge-Based Systems / ISSN (online): 1872-7409; ISSN (print): 0950-7051	X - SCIE IF: 5.921, Q1	38	183 Bài số 104847	11/2019
7	Fast Generation of Sequential Patterns with Item Constraints from Concise Representations	4	Có	Knowledge and Information Systems / ISSN (online): 0219-3116; ISSN (print): 0219-1377	X - SCIE IF: 2.936, Q1	10	62 2191– 2223	11/2019
Tạp chí khoa học quốc tế khác								
8	An efficient method for mining association rules based on minimum single constraints	2	Có	Vietnam Journal of Computer Science / ISSN (online): 2196-8896; ISSN (print): 2196-8888. Springer.	- Hệ thống CSDL quốc tế khác	8	2, 2, 67- 83	11/2014

9	Structure of frequent itemsets with extended double constraints	3	Có	Vietnam Journal of Computer Science / ISSN (online): 2196-8896; ISSN (print): 2196-8888. Springer.	- Hệ thống CSDL quốc tế khác	2	3 119-135	01/2016
Hội nghị khoa học quốc tế (thuộc Scopus)								
10	Efficient algorithms for mining frequent itemsets with constraint	4	Không	2011 Third International Conference on Knowledge and Systems Engineering (KSE 2011). IEEE / ISBN:978-1-4577-1848-9	- Scopus	13	19-25	10/2011
11	Mining association rules restricted on constraint	4	Không	2012 IEEE RIVF International Conference on Computing & Communication Technologies (RIVF 2012), Viet Nam. IEEE / ISSN: 2473-0130	- Scopus	6	1-6	03/2012
12	Mining frequent itemsets with dualistic constraints	4	Không	Pacific Rim International Conference on Artificial Intelligence (PRICAI 2012), Malaysia. Springer / ISBN: 978-3-642-32695-0	- Scopus	5	7458 807-813	09/2012
13	An efficient algorithm for mining frequent itemsets with single constraint	3	Có	Advanced Computational Methods for Knowledge Engineering. Studies in Computational	- Scopus	7	479 367-378	06/2013

				Intelligence (ICCSMA 2013), Poland. Springer / ISSN (online): 1860-9503; ISBN: 978-3-319-00293-4				
14	An efficient parallel algorithm for mining both frequent closed and generator sequences on multi-core processors	3	Có	5th NAFOSTED Conference on Information and Computer Science (NICS 2018), Viet Nam. IEEE / ISBN: 978-1-5386-7983-8	- Scopus		154-159	11/2018
15	An Explicit Relationship between Sequential Patterns and their Concise Representations	4	Có	The Seventh International Conference on Big Data Analytics (BDA 2019), India. Springer / ISSN (online): 1611-3349; ISBN: 978-3-030-37188-3	- Scopus		341–361	12/2019
Tạp chí trong nước								
16	An efficient algorithm for mining frequent item-sets containing a constraint subset	2	Có	Dalat University journal Of Science / ISSN: 0866-787X (online)	- ACI		4, 2, 54-64	06/2013
17	HUPSMT: An efficient algorithm for mining high utility-probability sequences in uncertain databases with multiple	4	Không	Journal of Computer Science and Cybernetics / ISSN: 1813-9663	- ACI	2	35, 1, 1-20	03/2019

	minimum utility thresholds							
18	FGenHUSM: Một thuật toán hiệu quả khai thác các chuỗi sinh phổ biến lợi ích cao	4	Không	Tạp chí Thông tin và Truyền thông / ISSN: 1859-3526	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		2019, 2, 57-69	12/2019
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
Tạp chí khoa học quốc tế uy tín (ISI)								
19	EHAUSM: An efficient algorithm for high average utility sequence mining	4	Không	Information Sciences / ISSN (online): 1872-6291; ISSN (print): 0020-0255	X - SCIE IF: 6.795, Q1	18	515 302-323	04/2020
20	Efficient algorithms for mining frequent high utility sequences with constraints	6	Không	Information Sciences / ISSN (online): 1872-6291; ISSN (print): 0020-0255	X - SCIE IF: 8.233, Q1	19	568 239-264	08/2021
21	Frequent high minimum average utility sequence mining with constraints in dynamic databases using efficient pruning strategies	5	Không	Applied Intelligence / ISSN (online): 1573-7497; ISSN (print): 0924-669X	X - SCIE IF: 5.019, Q2	8	52 6106-6128	09/2021
22	Mining interesting sequences with low average cost and high average utility	5	Không	Applied Intelligence / ISSN (online): 1573-7497; ISSN (print): 0924-669X	X - SCIE IF: 5.019, Q2	5	52 7136-7157	09/2021
23	H-FHAUI: Hiding Frequent High Average Utility Itemsets	5	Không	Information Sciences / ISSN (online): 1872-6291; ISSN	X - SCIE IF: 8.1, Q1	4	611 408-431	09/2022

				(print): 0020-0255				
24	Efficient Algorithms for Mining Closed and Maximal High Utility Itemsets	6	Có	Knowledge-Based Systems / ISSN (online): 1872-7409; ISSN (print): 0950-7051	X - SCIE <i>IF: 8.8, Q1</i>	8	257 Bài số: 109921	12/2022
25	Efficient mining of concise and informative representations of frequent high utility itemsets	4	Có	Engineering Applications of Artificial Intelligence / ISSN (online): 1873-6769; ISSN (print): 0952-1976	X - SCIE <i>IF: 7.5, Q1</i>	1	126 Bài số: 107111	11/2023
26	Efficient algorithms to mine concise representations of frequent high utility occupancy patterns	4	Có	Applied Intelligence / ISSN (online): 1573-7497; ISSN (print): 0924-669X	X - SCIE <i>IF: 3.4, Q2</i>		54 4012–4042	03/2024
27	CG-FHAUI: An efficient algorithm for simultaneously mining succinct pattern sets of frequent high average utility itemsets	4	Có	Knowledge and Information Systems / ISSN (online): 0219-3116; ISSN (print): 0219-1377	X - SCIE <i>IF: 2.5, Q1</i>			05/2024
28	Mining Interesting Sequential Patterns using a Novel Balanced Utility Measure	4	Có	Knowledge-Based Systems / ISSN (online): 1872-7409; ISSN (print): 0950-7051	X - SCIE <i>IF: 7.2, Q1</i>		294 Bài số: 111796	06/2024
29	MFS-SubSC: An Efficient Algorithm for Mining Frequent Sequences with	2	Có	Knowledge and Information Systems / ISSN (online): 0219-3116; ISSN	X - SCIE <i>IF: 2.5, Q1</i>			06/2024

	Sub-Sequence Constraint			(print): 0219-1377				
Hội nghị khoa học quốc tế (thuộc Scopus)								
30	Mining High Utility Sequences with a Novel Utility Function	5	Có	13th International Conference on Knowledge and Systems Engineering (KSE 2021), Thailand. IEEE / ISSN (online): 2694-4804; ISBN: 978-1-6654-9975-0	- Scopus	1	1-6	11/2021
31	Pattern mining: Current challenges and opportunities	7	Không	International Conference on Database Systems for Advanced Applications (DASFAA 2022). Springer / ISBN: 978-3-031-11217-1	- Scopus	61	34-49	07/2022
32	MFG-HUI: An Efficient Algorithm for Mining Frequent Generators of High Utility Itemsets	4	Có	International Symposium on Integrated Uncertainty in Knowledge Modelling and Decision Making (IUKM 2023), Japan. Springer / ISSN (online): 1611-3349	- Scopus		267-280	10/2023
33	High Average-Utility Itemset Mining with A Novel Vertical Weak Upper Bound	4	Có	2023 RIVF International Conference on Computing and Communication Technologies (RIVF 2023), Viet Nam. IEEE /	- Scopus		342-347	12/2023

				ISSN (online): 2473-0130				
Hội nghị khoa học quốc gia								
34	Một phương pháp hiệu quả để khai thác các tập mục tối thiểu có lợi ích trung bình cao phổ biến (Tên tiếng Anh: An efficient method for mining frequent minimum high average utility itemsets)	4	Có	Hội nghị khoa học Quốc gia lần thứ XVI - Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng công nghệ thông tin (FAIR 2023) / ISBN: 978-604-357-201-8			312-320	09/2023

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: **6** ([24] [25] [26] [27] [28] [29])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả

Không có

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
1	Chương trình đào tạo ngành Khoa học dữ liệu (trình độ đại học, hệ kỹ sư)	Tham gia	Các Quyết định số 75/QĐ-ĐHĐL và 752/QĐ-ĐHĐL, ngày 22/09/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt	Trường Đại học Đà Lạt	Quyết định số 183/QĐ-ĐHĐL, ngày 29/03/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt	Ủy viên ban xây dựng đề án; Tổ phó ban soạn thảo chương trình đào tạo

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: [**Bài báo số 26 trong mục 7.1.a**] [**Tác giả chính**]:

Hai Duong, Huy Pham, Tin Truong, Philippe Fournier-Viger. Efficient algorithms to mine concise representations of frequent high utility occupancy patterns, Applied

Intelligence / ISSN (online): 1573-7497; ISSN (print): 0924-669X, Tập: 54, Trang: 4012–4042. SCIE (IF: 3.4, Q2). 03/2024.

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Lâm Đồng, ngày 30 tháng 06 năm 2024

**Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)**

Dương Văn Hải